

Số: 292/KH-TTHTKPTBV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai các hoạt động hỗ trợ thực hiện 03 Chương trình phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành cơ khí - tự động hóa, ngành cao su - nhựa, ngành chế biến thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 60/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành Quy định chính sách đặc thù hỗ trợ cho các hoạt động xúc tiến thương mại của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành cơ khí - tự động hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành chế biến lương thực thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành cao su - nhựa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Xúc tiến thương mại của Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 284/QĐ-SCT ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (Điều chỉnh lần 2);

Căn cứ công văn số 4103/ SCT-TTPTCN ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Sở Công Thương về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển ngành nghề nông thôn; cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 3302/SCT-QLTM ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh về Triển khai Kế hoạch số 61/KH-

CÔNG THƯƠNG

UBND ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Xúc tiến thương mại của Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-SCT ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Sở Công Thương về việc điều chỉnh, bổ sung Chương trình công tác năm 2026 kèm theo Quyết định số 1255/QĐ-SCT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Sở Công Thương;

Căn cứ Kế hoạch số 4949/SCT-TTHTKTPTBV ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Sở Công Thương về Triển khai các hoạt động hỗ trợ thực hiện 03 Chương trình phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành cơ khí - tự động hóa, ngành cao su - nhựa, ngành chế biến thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026.

Trung tâm Hỗ trợ Kỹ thuật và Phát triển Bền vững xây dựng kế hoạch chương trình “Triển khai các hoạt động hỗ trợ thực hiện 03 Chương trình phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành cơ khí - tự động hóa, ngành cao su - nhựa, ngành chế biến thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026”. Cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai các hoạt động hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực phát triển doanh nghiệp và sản phẩm thuộc 03 ngành cơ khí - tự động hóa, cao su - nhựa và chế biến thực phẩm, thông qua chương trình đào tạo, tư vấn nâng cao năng lực quản trị, chuyên môn kỹ thuật cho đội ngũ lãnh đạo và nhân sự quản lý của doanh nghiệp. Đồng thời, thúc đẩy doanh nghiệp áp dụng các mô hình quản lý hiện đại, tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh, gắn với các yếu tố phát triển xanh, phát triển bền vững, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh và định hướng phát triển lâu dài.

- Giới thiệu, quảng bá các thành tựu của ngành cao su - nhựa, cơ khí - tự động hóa và chế biến thực phẩm nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh; đồng thời, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước tương tác kết nối, tiến tới tham gia chuỗi cung ứng.

- Ghi nhận và tôn vinh các doanh nghiệp ngành cao su - nhựa, ngành cơ khí - tự động hóa, ngành chế biến thực phẩm của Thành phố trên các phương tiện thông tin đại chúng để lan tỏa đến cộng đồng doanh nghiệp, các hội ngành nghề, người dân trong cả nước, góp phần kích cầu tiêu dùng nội địa và hướng ra xuất khẩu.

2. Yêu cầu

- Tổ chức các các hoạt động phải đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp.

- Công tác phối hợp, chuẩn bị và tổ chức được triển khai đồng bộ, theo đúng tiến độ, nội dung được phê duyệt.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

A. CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN TỪ NGUỒN KINH PHÍ CHI SỰ NGHIỆP - SỰ NGHIỆP KINH TẾ KHÁC

1. Tổ chức các lớp đào tạo, tư vấn nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp công nghiệp Thành phố

(Triển khai nội dung của khoản 2, mục III của Chương trình ban hành kèm Kế hoạch 136/KH-UBND ngày 11/4/2026; 138/KH-UBND ngày 13/4/2026, 145/KH-UBND ngày 15/4/2026)

- Mục đích: Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp thuộc 03 ngành cơ khí - tự động hóa, cao su - nhựa và chế biến thực phẩm thông qua đào tạo, huấn luyện, tư vấn kiến thức thúc đẩy áp dụng mô hình quản lý hiện đại và chuyển đổi số, hướng đến nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh và phát triển theo định hướng xanh và bền vững.

- Đối tượng tham gia: Doanh nghiệp và sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm 03 ngành trọng yếu cơ khí – tự động hóa, cao su – nhựa, chế biến thực phẩm; nhóm sản phẩm công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu; nhóm sản phẩm công nghiệp chủ lực và nhóm sản phẩm công nghiệp tiềm năng; nhóm sản phẩm công nghiệp đạt thương hiệu vàng thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cũ, tỉnh Bình Dương cũ, và Thành phố Hồ Chí Minh cũ).

- Yêu cầu triển khai: nội dung tổ chức đào tạo bám sát nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 136/KHUBND, 138/KH-UBND, 145/KH-UBND gồm: Chương trình đào tạo nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp ngành cơ khí - tự động hóa, ngành cao su – nhựa, ngành chế biến lương thực thực phẩm, đáp ứng yêu cầu sản xuất xanh, phát triển bền vững cho doanh nghiệp, tổ chức tham quan tại các nhà máy cho một số nội dung cần bám sát thực tế.

- Nguồn kinh phí: từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế khác

1.1. Huấn luyện kỹ năng lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp

- Đối tượng: Lãnh đạo đơn vị, cán bộ quản lý, trưởng bộ phận, quản lý cấp trung,..

- Hình thức huấn luyện: Trực tiếp, trực tuyến kết hợp

- Số lượng: 12 lớp (35 học viên/lớp)

- Thời lượng huấn luyện: 04 buổi/lớp/chuyên đề

- Mục tiêu: Trang bị cho đội ngũ lãnh đạo, cán bộ quản lý và quản lý cấp trung... các kiến thức và kỹ năng cốt lõi trong điều hành doanh nghiệp, nắm bắt và xử lý các tình huống trong quản trị, điều hành qua đó nâng cao hiệu quả ra quyết định và năng lực quản trị trong bối cảnh chuyển đổi số và môi trường kinh doanh biến động.

- Nội dung đào tạo: Mỗi lớp huấn luyện theo một trong các chuyên đề sau:

+ Kỹ năng giải quyết vấn đề theo phương pháp 8D.

+ Lãnh Đạo với trí tuệ cảm xúc.

G T
TR
O TR
VÀ P
B E
S

- + Tài chính dành cho Lãnh Đạo.
- + Quản trị bằng văn hóa.
- + Kỹ năng báo cáo công việc.
- + Quản trị nhân sự.

1.2. Huấn luyện kỹ năng quản trị theo mô hình tiên tiến

- Đối tượng: Cán bộ quản lý, trưởng ca/kíp, quản lý tiềm năng..
- Hình thức huấn luyện: Trực tiếp, trực tuyến kết hợp.
- Số lượng: 05 lớp (35 học viên/lớp)
- Thời lượng huấn luyện: 4 buổi/lớp/chuyên đề
- Mục tiêu: Cung cấp và huấn luyện cho đội ngũ cán bộ quản lý, trưởng ca/kíp... các kiến thức và kỹ năng quản trị sản xuất theo các mô hình tiên tiến qua đó giúp doanh nghiệp tối ưu hóa năng suất, giảm lãng phí, nâng cao chất lượng và hiệu quả vận hành sản xuất.

- Nội dung: Mỗi lớp huấn luyện theo một trong các chuyên đề sau:
 - + Phương thức quản lý sản xuất tinh gọn.
 - + Xây dựng và quản lý kế hoạch sản xuất.
 - + Quản lý máy móc, thiết bị TPM-AM (bảo trì tự chủ).
 - + Tối ưu hóa năng suất, giảm lãng phí bằng không.
 - + Hoạt động quản lý chất lượng trong sản xuất.
 - + Kỹ năng giải quyết vấn đề và phương pháp khắc phục phòng ngừa.
 - + Quản lý chuỗi cung ứng
 - + SOP-Xây dựng thao tác tiêu chuẩn cho quá trình sản xuất

1.3. Huấn luyện kỹ năng áp dụng công cụ cải tiến nâng cao năng suất, chất lượng

- Đối tượng: Cán bộ quản lý, trưởng ca/kíp, quản lý tiềm năng,...
- Hình thức huấn luyện: trực tiếp, trực tuyến kết hợp
- Số lượng: 05 lớp (35 học viên/lớp)
- Thời lượng huấn luyện : 4 buổi/lớp/chuyên đề
- Mục tiêu:

Trang bị cho đội ngũ cán bộ quản lý và quản lý tiềm năng các kiến thức và kỹ năng áp dụng các công cụ cải tiến trong quản trị doanh nghiệp, qua đó nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh.

- Nội dung đào tạo: Mỗi lớp huấn luyện theo một trong các chuyên đề sau:
 - + Kỹ năng tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân lực.

- + Quản trị quy trình phát triển sản phẩm mới.
- + Thương mại hóa sản phẩm mới.
- + Kỹ năng quản lý công việc hiệu quả.
- + Thương mại điện tử và Tiếp thị liên kết hiện đại.
- + Kinh doanh mô hình nhân bản.
- + Ứng dụng công cụ quản lý tài chính doanh nghiệp khởi nghiệp.

1.4. Huấn luyện kỹ năng quản trị trong chiến lược hiện thực hóa ESG và phát triển bền vững

- Mục tiêu: Trang bị cho cán bộ, công nhân viên và đội ngũ quản lý các kiến thức, tư duy và công cụ thực hành về chuyển đổi xanh, giúp doanh nghiệp từng bước áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh và cải tiến liên tục theo hướng phát triển bền vững từ đó ngày càng nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

- Đối tượng: Cán bộ, công nhân viên, người lao động,...của doanh nghiệp
- Hình thức huấn luyện: Trực tiếp, trực tuyến kết hợp.
- Số lượng: 04 lớp (35 học viên/lớp)
- Thời lượng 1 lớp huấn luyện: 4 buổi/lớp/chuyên đề
- Nội dung: Mỗi lớp huấn luyện theo một trong các chuyên đề sau:
 - + Xây dựng văn hóa an toàn trong doanh nghiệp sản xuất.
 - + Chuẩn hóa quy trình để đảm bảo phát triển xanh.
 - + Dẫn dắt đội ngũ hướng tới sản xuất an toàn và bền vững.
 - + Quản trị chiến lược xanh - nâng cao năng lực cạnh tranh.
 - + Công cụ và phương pháp triển khai mô hình kinh doanh xanh

1.5. Huấn luyện nâng cao trình độ cho người lao động của doanh nghiệp

- Mục tiêu: Nâng cao trình độ tay nghề và năng lực thực hành cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân kỹ thuật thông qua việc đào tạo, huấn luyện áp dụng mô hình Lean Six Sigma, các mô hình cải tiến năng suất – chất lượng và kỹ thuật cơ – điện,...; góp phần nâng cao hiệu quả vận hành, chất lượng sản phẩm và năng suất lao động tại nhà máy, xưởng sản xuất.

- Đối tượng: Cán bộ, công nhân viên, người lao động,...của doanh nghiệp
- Hình thức huấn luyện: trực tiếp.
- Số lượng: 04 lớp (30 học viên/lớp)
- Thời lượng 1 lớp huấn luyện: 06 buổi (bao gồm 4 buổi lý thuyết tại lớp + 2 buổi học tập, tham quan thực tế tại nhà máy)

- Nội dung: Mỗi lớp huấn luyện theo một trong các chuyên đề sau:

- + Mô hình Lean Six Sigma.
- + Mô hình cải tiến năng suất, chất lượng
- + Xây dựng tư duy và ý thức làm việc cho cán bộ công nhân viên.
- + Kỹ thuật Cơ - Điện.
- + Kỹ thuật nhựa - cao su.

2. Thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp và sản phẩm công nghiệp thành phố (Hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo,...)

(Triển khai nội dung gạch đầu dòng thứ 2 của khoản 6, mục III của Chương trình ban hành kèm Kế hoạch 136/KH-UBND ngày 11/4/2026; 138/KH-UBND ngày 13/4/2026, 145/KH-UBND ngày 15/4/2026)

2.1. Tổ chức Hội nghị/Hội thảo về chuyển đổi số, đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh,...

- Mục đích: tăng cường hoạt động kết nối, tư vấn các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận chính sách và giới thiệu, trình diễn công nghệ giữa các doanh nghiệp, chuyên gia, nhà khoa học và tổ chức liên quan trong các lĩnh vực cơ khí – tự động hóa, cao su – nhựa và chế biến thực phẩm... Qua đó hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, cập nhật xu hướng sản xuất hiện đại, thúc đẩy ứng dụng robot, IoT, AI và công nghệ số hóa trong quy trình chế tạo và quản lý sản xuất, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả sản xuất kinh doanh và thúc đẩy phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững.

- Thời gian: Quý II năm 2026

- Quy mô: 02 kỳ

- Địa điểm: Thành phố Hà Nội

- Đối tượng tham gia: doanh nghiệp thuộc các ngành sản xuất, thương mại các sản phẩm, thiết bị, công nghệ thuộc 03 ngành cơ khí - tự động hóa, cao su - nhựa, chế biến thực phẩm; doanh nghiệp có sản phẩm đạt thương hiệu Vàng Thành phố Hồ Chí Minh, sản phẩm thuộc nhóm công nghiệp chủ lực và công nghiệp tiềm năng Thành phố Hồ Chí Minh, sản phẩm công nghiệp tiêu biểu của Thành phố Hồ Chí Minh; Các đơn vị được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoạt động sản xuất, kinh doanh các nhóm sản phẩm trưng bày nêu trên.

- Nguồn kinh phí: từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp kinh tế - Sự nghiệp kinh tế khác

2.2. Tổ chức Hội nghị/Hội thảo về phát triển công nghiệp cơ khí và chế tạo thông minh, trình diễn Công nghệ Hàn cắt; Tọa đàm kết nối doanh nghiệp,...

Mục đích: Chương trình được tổ chức nhằm tạo ra môi trường học thuật – giao lưu công nghệ – kết nối hợp tác giữa các doanh nghiệp, chuyên gia, nhà

nghiên cứu và tổ chức trong lĩnh vực cơ khí – tự động hóa, cao su – nhựa và chế biến thực phẩm. Bên cạnh đó, chương trình đặc biệt nhấn mạnh đến trình diễn các công nghệ hàn cắt tiên tiến, giải pháp điều khiển và tự động hóa thông minh, qua đó thúc đẩy doanh nghiệp cập nhật xu hướng sản xuất hiện đại, ứng dụng robot, IoT, AI, và công nghệ số hóa dây chuyền trong quy trình chế tạo và quản lý.

- Thời gian: Quý IV năm 2026

- Quy mô: 02 kỳ

- Địa điểm: Thành phố Hồ Chí Minh

- Đối tượng tham gia: doanh nghiệp thuộc các ngành sản xuất, thương mại các sản phẩm, thiết bị, công nghệ thuộc 03 ngành cơ khí - tự động hóa, cao su - nhựa, chế biến thực phẩm; doanh nghiệp có sản phẩm đạt thương hiệu Vàng Thành phố Hồ Chí Minh, sản phẩm thuộc nhóm công nghiệp chủ lực và công nghiệp tiềm năng Thành phố Hồ Chí Minh, sản phẩm công nghiệp tiêu biểu của Thành phố Hồ Chí Minh; Các đơn vị được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoạt động sản xuất, kinh doanh các nhóm sản phẩm trưng bày nêu trên

- Nguồn kinh phí: từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp kinh tế - Sự nghiệp kinh tế khác

3. Tổ chức thực hiện các hoạt động thông tin tuyên truyền về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm công nghiệp Thành phố trên báo, đài phát thanh, truyền hình, Cổng thông tin Chính phủ,...

(Triển khai nội dung gạch đầu dòng thứ 1 của khoản 6, mục III của Chương trình ban hành kèm Kế hoạch 136/KH-UBND ngày 11/4/2026; 138/KH-UBND ngày 13/4/2026, 145/KH-UBND ngày 15/4/2026)

- Mục đích: Thông tin về các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và tôn vinh các doanh nghiệp ngành cao su - nhựa, ngành cơ khí - tự động hóa, ngành chế biến thực phẩm của Thành phố trên các phương tiện thông tin đại chúng để lan tỏa đến cộng đồng doanh nghiệp, các hội ngành nghề, người dân trong cả nước, góp phần kích cầu tiêu dùng nội địa và hướng ra xuất khẩu.

- Thời gian thực hiện: năm 2026.

- Nội dung thực hiện:

+ Tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận cơ chế chính sách;

+ Giới thiệu những thành tựu, tính năng vượt trội của sản phẩm và doanh nghiệp thuộc nhóm đối tượng cần tuyên truyền, quảng bá;

+ Tham vấn ý kiến của các chuyên gia đánh giá, phản hồi, hiệu quả của các cơ chế, chính sách; những hiến kế để thúc đẩy phát triển ngành, sản phẩm và doanh nghiệp;

+ Quảng bá các doanh nghiệp đạt giải thưởng Thương hiệu Vàng Công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu.

- Đối tượng tham gia: doanh nghiệp thuộc các ngành sản xuất, thương mại các sản phẩm, thiết bị, công nghệ thuộc 03 ngành cơ khí - tự động hóa, cao su - nhựa, chế biến thực phẩm; doanh nghiệp có sản phẩm đạt thương hiệu Vàng Thành phố Hồ Chí Minh, sản phẩm thuộc nhóm công nghiệp chủ lực và công nghiệp tiềm năng Thành phố Hồ Chí Minh, sản phẩm công nghiệp tiêu biểu của Thành phố Hồ Chí Minh; Các đơn vị được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoạt động sản xuất, kinh doanh các nhóm sản phẩm trung, bày nêu trên.

- Phương thức thực hiện: xây dựng phim ngắn, quảng cáo online thông qua các trang thông tin điện tử, nền tảng mạng xã hội: facebook, google, youtube,...), quảng cáo trên bảng LED và thực hiện thông tin tuyên truyền trên đài truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh (HTV).

- Hiệu quả mang lại: giới thiệu, quảng bá và tôn vinh thành tựu sản phẩm và doanh nghiệp đến cộng đồng doanh nghiệp, người tiêu dùng trong và ngoài nước; phổ biến các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của trung ương và của thành phố; tạo sự khích lệ cho các doanh nghiệp chưa tham gia sẽ chủ động đăng ký tham gia các chương trình hỗ trợ phát triển của thành phố.

3.1. Xây dựng phim ngắn quảng bá

- Số lượng: 30 phim

- Phương thức thực hiện: Xây dựng kịch bản, thực hiện khảo sát, thu thập thông tin về các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; Giới thiệu những thành tựu, tính năng vượt trội của sản phẩm và doanh nghiệp; viết và hoàn thiện nội dung; rà soát, sàng lọc và thực hiện quay phim tư liệu về giới thiệu, quảng bá và tôn vinh thành tựu sản phẩm và doanh nghiệp của 3 ngành; xử lý, xây dựng hoàn thành phim, dự kiến tần suất 2 tuần 1 lần, mỗi lần là 2 đến 3 phim/3 ngành.

3.2. Thực hiện thông tin, tuyên truyền, quảng bá online

- Thời gian thực hiện: 06 tuần

- Phương thức thực hiện: Thực hiện thông tin, tuyên truyền, quảng bá online thông qua các trang thông tin điện tử, nền tảng mạng xã hội: facebook, google, youtube,...).

3.3. Thực hiện thông tin tuyên truyền trên đài truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh (HTV)

- Số lượng: 30 phóng sự

- Phương thức thực hiện: Thu thập thông tin; Xây dựng kịch bản, kiểm duyệt nội dung; Thực hiện các phóng sự chuyên đề về các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và giới thiệu quảng bá các sản phẩm thuộc 3 nhóm ngành cơ khí - tự động hóa, ngành cao su - nhựa, ngành chế biến thực phẩm, dự kiến phát sóng là 2 đến 4 phóng sự/tháng và theo quy định phát sóng của Đài truyền hình.

3.4. Thực hiện thông tin, tuyên truyền, quảng bá trên bảng Led tại các vị trí trung tâm và các cửa ngõ Thành phố

- Số lượng: 5 màn hình LED
- Tổng diện tích tối thiểu: 190 m²
- Phương thức thực hiện: phát 30 clip mỗi clip tối đa 15 giây trên các màn hình LED tại các khu vực ngã tư, bến xe, vị trí trung tâm đông dân cư và các cửa ngõ Thành phố.
- Số lần phát hình tối thiểu: 240 lần/ngày, thời lượng quảng cáo từ 6h00 đến 22h00, phát trong 30 ngày

B. CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN TỪ NGUỒN KINH PHÍ CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

1. Thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm công nghiệp Thành phố (hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo...)

(Triển khai nội dung gạch đầu dòng thứ 3 của khoản 3, mục III của Chương trình ban hành kèm Kế hoạch 136/KH-UBND ngày 11/4/2026; 138/KH-UBND ngày 13/4/2026, 145/KH-UBND ngày 15/4/2026)

1.1. Tham gia cụm gian hàng tại triển lãm Quốc tế về máy móc, thiết bị, công nghệ và sản phẩm công nghiệp tại Hà Nội

- Mục đích: Hỗ trợ doanh nghiệp thuộc các ngành cơ khí – tự động hóa, cao su – nhựa và chế biến thực phẩm nâng cao năng lực công nghệ, phát triển sản phẩm và tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường thông qua các hoạt động giới thiệu năng lực, giải pháp công nghệ, kết nối chuyên môn và trao đổi thông tin thị trường; qua đó tạo điều kiện để doanh nghiệp trong và ngoài nước tăng cường tương tác, hợp tác, chuyển giao công nghệ và từng bước tham gia vào chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

- Thời gian: dự kiến từ ngày 14 đến ngày 16 tháng 5 năm 2026.

- Địa điểm: Cung văn hoá lao động Hữu nghị Việt - Xô.

91 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Hà Nội.

- Nội dung thực hiện của Sở Công Thương: Tổ chức không gian trưng bày với quy mô khoảng 100 m² nhằm phục vụ hoạt động giới thiệu sản phẩm, tư vấn định hướng phát triển sản phẩm, cung cấp thông tin thị trường cho doanh nghiệp. Dự kiến gồm các hoạt động sau:

+ Cung cấp thông tin về xu hướng công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn chất lượng và yêu cầu thị trường đối với sản phẩm, máy móc và thiết bị của từng ngành.

+ Tư vấn về định hướng nâng cấp công nghệ, đổi mới thiết bị, tự động hóa dây chuyền, phù hợp với quy mô và năng lực của doanh nghiệp trong từng giai đoạn phát triển.

+ Chia sẻ thông tin về thị trường trong nước và quốc tế, nhu cầu ứng dụng

công nghệ, cơ hội xuất khẩu, cũng như các rào cản kỹ thuật và tiêu chuẩn tiếp cận thị trường.

+ Hỗ trợ doanh nghiệp kết nối với chuyên gia, viện nghiên cứu, đơn vị tư vấn kỹ thuật, phục vụ hoạt động cải tiến sản phẩm và phát triển công nghệ.

+ Giới thiệu các chương trình hỗ trợ, chính sách, hoạt động xúc tiến chuyên ngành do hội ngành nghề và các cơ quan liên quan triển khai

- Đối tượng tham gia: Doanh nghiệp thuộc các ngành sản xuất, thương mại các sản phẩm, thiết bị, công nghệ thuộc 03 ngành cơ khí - tự động hóa, cao su - nhựa, chế biến thực phẩm; doanh nghiệp có sản phẩm đạt thương hiệu Vàng Thành phố Hồ Chí Minh, sản phẩm thuộc nhóm công nghiệp chủ lực và công nghiệp tiềm năng Thành phố Hồ Chí Minh, sản phẩm công nghiệp tiêu biểu của Thành phố Hồ Chí Minh; Các đơn vị được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoạt động sản xuất, kinh doanh các nhóm sản phẩm trưng bày nêu trên.

1.2. Tham gia Triển lãm Quốc tế Công nghiệp Hóa chất, kỹ thuật cao su – nhựa

- Mục đích: Hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá, giới thiệu các sản phẩm ngành cao su - nhựa, các ngành phụ trợ cho sản phẩm của ngành cao su - nhựa (phụ gia, hoá chất, chất kết dính,...) có chất lượng, thương hiệu uy tín đến với người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố và du khách tham quan, mua sắm. Đồng thời, triển lãm còn tạo điều kiện cho doanh nghiệp có cơ hội gặp gỡ trực tiếp, tìm kiếm các đối tác, nhà nhập khẩu, người mua hàng tiềm năng với chi phí tiết kiệm; tạo điều kiện để doanh nghiệp trong và ngoài nước tăng cường tương tác, hợp tác, chuyển giao công nghệ và từng bước tham gia vào chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế nhằm tăng cường quảng bá sản phẩm, thương hiệu, kết nối giao thương, mở rộng thị trường.

- Thời gian: từ ngày 25 đến 27 tháng 11 năm 2026.

- Địa điểm: Trung tâm Hội chợ & Triển lãm Sài Gòn (SECC),

799 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nội dung thực hiện của Sở Công Thương: Tổ chức không gian trưng bày khoảng 500m². Trưng bày sản phẩm, công nghệ, máy móc, thiết bị và giải pháp tiêu biểu trong lĩnh vực hóa chất, cao su, nhựa; đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá năng lực sản xuất, cập nhật xu hướng công nghệ, kết nối đối tác và mở rộng thị trường. Dự kiến gồm các hoạt động sau:

+ Trưng bày, giới thiệu sản phẩm hóa chất, nguyên phụ liệu, sản phẩm cao su, sản phẩm nhựa, máy móc, thiết bị, công nghệ sản xuất và các giải pháp kỹ thuật liên quan đến ngành hóa chất, cao su và nhựa.

+ Bố trí các khu vực trình diễn để khách tham quan quan sát, tìm hiểu và tương tác với sản phẩm, thiết bị, công nghệ, vật liệu mới, mô hình sản xuất, giải pháp tự động hóa, kiểm soát chất lượng, xử lý môi trường, tiết kiệm năng lượng và nâng cao hiệu quả sản xuất. Đồng thời, bố trí đội ngũ chuyên gia, kỹ thuật

viên tại chỗ để tư vấn, giải đáp, kết nối nhu cầu hợp tác, chuyển giao công nghệ, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ vào thực tiễn sản xuất kinh doanh.

+ Giới thiệu các sản phẩm công nghiệp chủ lực, sản phẩm công nghiệp tiềm năng, sản phẩm công nghiệp tiêu biểu và sản phẩm đạt Thương hiệu Vàng Thành phố Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực phù hợp với định hướng của triển lãm.

+ Tư vấn cho doanh nghiệp về định hướng đổi mới công nghệ, nâng cấp máy móc, cải tiến quy trình sản xuất, phát triển sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn chất lượng và yêu cầu thị trường trong ngành hóa chất, cao su và nhựa.

+ Cung cấp thông tin về xu hướng công nghệ, vật liệu mới, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định an toàn, yêu cầu bảo vệ môi trường, nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế, cơ hội xuất khẩu, rào cản kỹ thuật và tiêu chuẩn tiếp cận thị trường đối với ngành hóa chất, cao su và nhựa.

- Đối tượng tham gia: Doanh nghiệp thuộc các ngành sản xuất, thương mại các sản phẩm, thiết bị, công nghệ thuộc 03 ngành cơ khí - tự động hóa, cao su - nhựa, chế biến thực phẩm; doanh nghiệp có sản phẩm đạt thương hiệu Vàng Thành phố Hồ Chí Minh, sản phẩm thuộc nhóm công nghiệp chủ lực và công nghiệp tiềm năng Thành phố Hồ Chí Minh, sản phẩm công nghiệp tiêu biểu của Thành phố Hồ Chí Minh; Các đơn vị được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoạt động sản xuất, kinh doanh các nhóm sản phẩm trưng bày nêu trên.

1.3. Tổ chức không gian trưng bày sản phẩm công nghiệp chế biến, lương thực thực phẩm,...

- Mục đích: Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, tiếp cận thông tin thị trường, xu hướng phát triển công nghệ và nhu cầu hợp tác trong nước và quốc tế; đồng thời tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp với các tổ chức khoa học và công nghệ, chuyên gia trong và ngoài nước, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, phát triển sản phẩm và quảng bá thương hiệu, sản phẩm công nghiệp sinh học nhằm nâng cao năng lực thị trường.

- Thời gian: dự kiến từ ngày 25 đến ngày 27 tháng 11 năm 2026.

- Địa điểm: dự kiến tại Trung tâm Hội chợ và Triển lãm Sài Gòn (SECC), Số 799 Nguyễn Văn Linh, phường Tân Mỹ, TP.HCM.

- Nội dung thực hiện của Sở Công Thương: Tổ chức không gian trưng bày sản phẩm công nghiệp chế biến, lương thực thực phẩm của Thành phố Hồ Chí Minh với quy mô khoảng 500 m². Không gian được triển khai nhằm giới thiệu sản phẩm tiêu biểu, quảng bá năng lực sản xuất, tư vấn định hướng phát triển sản phẩm, cung cấp thông tin thị trường và kết nối giao thương cho doanh nghiệp. Dự kiến gồm các hoạt động sau:



+ Trưng bày, giới thiệu các sản phẩm tiêu biểu trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, lương thực thực phẩm, sản phẩm công nghiệp chủ lực, sản phẩm công nghiệp tiềm năng, sản phẩm công nghiệp tiêu biểu và sản phẩm đạt Thương hiệu Vàng Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bố trí các khu vực trình diễn để khách tham quan quan sát, dùng thử và tương tác với sản phẩm, công nghệ, thiết bị, mô hình sản xuất, giải pháp chế biến, bảo quản, đóng gói, kiểm soát chất lượng, ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực lương thực thực phẩm.

+ Tư vấn cho doanh nghiệp về định hướng cải tiến sản phẩm, đổi mới công nghệ chế biến, nâng cấp thiết bị, tối ưu quy trình sản xuất, bảo quản, bao bì, mẫu mã và tiêu chuẩn chất lượng, phù hợp với nhu cầu thị trường và năng lực phát triển của doanh nghiệp.

+ Cung cấp thông tin về xu hướng tiêu dùng, xu hướng công nghệ chế biến thực phẩm, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, quy chuẩn chất lượng, yêu cầu thị trường đối với sản phẩm lương thực thực phẩm; đồng thời chia sẻ thông tin về thị trường trong nước và quốc tế, cơ hội mở rộng kênh phân phối, xuất khẩu, rào cản kỹ thuật và tiêu chuẩn tiếp cận thị trường.

- Đối tượng tham gia: Doanh nghiệp thuộc các ngành sản xuất, thương mại các sản phẩm, thiết bị, công nghệ thuộc 03 ngành cơ khí - tự động hóa, cao su - nhựa, chế biến thực phẩm; doanh nghiệp có sản phẩm đạt thương hiệu Vàng Thành phố Hồ Chí Minh, sản phẩm thuộc nhóm công nghiệp chủ lực và công nghiệp tiềm năng Thành phố Hồ Chí Minh, sản phẩm công nghiệp tiêu biểu của Thành phố Hồ Chí Minh; Các đơn vị được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoạt động sản xuất, kinh doanh các nhóm sản phẩm trưng bày nêu trên.

1.4. Tham gia cụm gian hàng tại triển lãm Quốc tế về máy móc, thiết bị, công nghệ và sản phẩm công nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh

- Mục đích: Hỗ trợ doanh nghiệp thuộc các ngành cao su – nhựa, cơ khí – tự động hóa và chế biến thực phẩm nâng cao năng lực công nghệ, phát triển và hoàn thiện sản phẩm công nghiệp thông qua việc tổ chức không gian giới thiệu, trình diễn công nghệ, giải pháp và năng lực sản xuất; qua đó tăng cường trao đổi thông tin thị trường, kết nối hợp tác kỹ thuật và thương mại, tạo điều kiện để doanh nghiệp trong và ngoài nước từng bước tham gia chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

- Thời gian: dự kiến từ ngày 25 đến ngày 27 tháng 11 năm 2026.

- Địa điểm: Trung tâm Hội chợ & Triển lãm Sài Gòn (SECC), 799 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nội dung thực hiện của Sở Công Thương: Tổ chức không gian trưng bày với quy mô khoảng 700 m² nhằm phục vụ hoạt động giới thiệu sản phẩm, tư vấn định hướng phát triển sản phẩm, cung cấp thông tin thị trường cho doanh nghiệp. Dự kiến gồm các hoạt động sau:

+ Trưng bày, giới thiệu sản phẩm tiêu biểu, sản phẩm công nghiệp chủ lực, sản phẩm công nghiệp tiềm năng, sản phẩm đạt Thương hiệu Vàng Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bố trí các khu vực trình diễn nhằm giúp khách tham quan trực tiếp tiếp cận, quan sát và trải nghiệm công nghệ, thiết bị, mô hình sản xuất, các giải pháp bảo quản, kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc và ứng dụng công nghệ trong sản xuất công nghiệp. Không gian được tổ chức theo hướng trực quan, có hoạt động minh họa, giới thiệu quy trình và tính năng sản phẩm, qua đó nâng cao khả năng tương tác và hiệu quả tiếp cận thông tin. Đồng thời, kết hợp hoạt động tư vấn, định hướng cho doanh nghiệp về nâng cấp công nghệ, đổi mới thiết bị, tự động hóa dây chuyền, lựa chọn giải pháp phù hợp với quy mô, năng lực và từng giai đoạn phát triển, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và năng lực cạnh tranh.

Đối tượng tham gia: doanh nghiệp thuộc các ngành sản xuất, thương mại các sản phẩm, thiết bị, công nghệ thuộc 03 ngành cơ khí - tự động hóa, cao su - nhựa, chế biến thực phẩm; doanh nghiệp có sản phẩm đạt thương hiệu Vàng Thành phố Hồ Chí Minh, sản phẩm thuộc nhóm công nghiệp chủ lực và công nghiệp tiềm năng Thành phố Hồ Chí Minh, sản phẩm công nghiệp tiêu biểu của Thành phố Hồ Chí Minh; Các đơn vị được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoạt động sản xuất, kinh doanh các nhóm sản phẩm trưng bày nêu trên.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện: **14.569.556.000 đồng** từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp – sự nghiệp kinh tế khác; nguồn kinh phí chi sự nghiệp kinh tế - xúc tiến thương mại theo Quyết định số 284/QĐ-SCT ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Sở Công Thương.

- Nguồn kinh phí chi sự nghiệp kinh tế - xúc tiến thương mại: **8.154.256.000 đồng**.

- Nguồn kinh phí chi sự nghiệp – sự nghiệp kinh tế khác: **6.415.300.000 đồng**. Trong đó: Kinh phí từ ngân sách nhà nước là **5.571.850.000 đồng** và kinh phí từ nguồn thu từ học viên đăng ký tham gia là **843.450.000 đồng**.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Tư vấn.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch, dự toán chi tiết để thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp và quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí được giao; tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Trực tiếp làm đầu mối và chủ động phối hợp với các đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện Kế hoạch, truyền thông và vận động doanh nghiệp tham gia.

- Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình về Sở Công Thương.

2. Phòng Hợp tác và Đào tạo.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch, dự toán chi tiết để thực hiện các hạng mục liên quan đến đào tạo, tập huấn trong Kế hoạch.
- Trực tiếp làm đầu mối và phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai theo đúng quy định và phương hướng đã đề ra trong Kế hoạch.
- Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình.
- Hỗ trợ tổ chức các hoạt động trong kế hoạch có liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ của Phòng.

3. Các phòng ban chuyên môn khác

- Phối hợp rà soát, lựa chọn, mời gọi các doanh nghiệp tiềm năng uy tín trên khu vực quản lý tham gia nhằm thúc đẩy Doanh nghiệp phát triển.
- Hỗ trợ phổ biến, triển khai Kế hoạch đến các doanh nghiệp, Hiệp hội doanh nghiệp, Hội ngành nghề hệ thống phân phối,... thuộc phạm vi quản lý để biết thực hiện.
- Hỗ trợ tổ chức các hoạt động trong kế hoạch có liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ của Phòng.

4. Phòng Tài chính – Kế toán.

- Tham mưu Ban giám đốc về kinh phí thực hiện chương trình, đảm bảo đủ nguồn kinh phí để Trung tâm thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Hỗ trợ thanh quyết toán, công tác xuất hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai các hoạt động hỗ trợ thực hiện 03 Chương trình phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành cơ khí - tự động hóa, ngành cao su - nhựa, ngành chế biến thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026 để các phòng ban liên quan triển khai thực hiện./.

(Đính kèm bảng dự toán chi tiết kinh phí)

Nơi nhận:

- P.HTĐT (để thực hiện);
- P.TCKT (để phối hợp);
- Ban Giám đốc TT (để báo cáo);
- Các phòng ban chuyên môn khác (để phối hợp);
- Lưu VT, P.TV (Đ.Trung).



Lê Minh Trung



DU TOÁN "CHƯƠNG TRÌNH TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ 03 CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VÀ SẢN PHẨM NGÀNH CƠ KHÍ - TỰ ĐỘNG HÓA, NGÀNH CAO SU - NHỰA, NGÀNH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2026"
(Đính kèm Kế hoạch số 292/KH-TTHKTPBV ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật và Phát triển bền vững)

DVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
A. CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN TỪ NGUỒN KINH PHÍ CHI SỰ NGHIỆP - SỰ NGHIỆP KINH TẾ KHÁC					6.415.300	5.571.850	843.450	
I	Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp				2.811.500	1.968.050	843.450	Nguồn: kinh phí chi sự nghiệp kinh tế - Sự nghiệp kinh tế khác
1	Huấn luyện kỹ năng lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp Đối tượng: lãnh đạo đơn vị, cán bộ quản lý, trưởng bộ phận, quản lý cấp trung,... Hình thức huấn luyện: trực tiếp, trực tuyến kết hợp Số lượng: 12 lớp (35 học viên/lớp) Thời lượng huấn luyện: 4 buổi/lớp/chuyên đề	Lớp	12	89.050	1.068.600	748.020	320.580	
	Chi phí cho 1 lớp huấn luyện (4 buổi)	Lớp	1		89.050	62.335	26.715	
	Chi phí thiết kế, in ấn: Công văn/Thông báo chiêu sinh, Phiếu đăng ký để gửi thư chiêu sinh, bì thư, phí gấp thư	Bộ	800	5	4.000	2.800	1.200	Thanh toán theo chứng từ thực tế
	Gửi thư chiêu sinh	Thư	800	6	4.800	3.360	1.440	
	Chi phí gọi điện chiêu sinh, chăm sóc học viên trước - trong - sau khóa học.	Lớp	1	1.000	1.000	700	300	
	Thuê hội trường	Lớp	1	19.500	19.500	13.650	5.850	Chi phí thực tế căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025
	Micro, Âm thanh, Ánh sáng	Lớp	1	4.000	4.000	2.800	1.200	
	Máy chiếu, màn chiếu	Lớp	1	4.000	4.000	2.800	1.200	
	Chi phí trang bị phần mềm đào tạo, tư vấn và bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ quản lý.	Lớp	1	3.000	3.000	2.100	900	
	Đường truyền đảm bảo duy trì hoạt động đào tạo liên tục cho lớp trực tuyến	Lớp	1	2.000	2.000	1.400	600	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
	Thiết kế trình chiếu Banner (khai giảng) và thiết kế, in ấn standee	Lớp	1	1.000	1.000	700	300	Chi phí thực tế căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025
	Hỗ trợ nước uống cho học viên (50.000đồng/1 buổi/1 người x 4 buổi x 35 người)	Buổi	4	1.750	7.000	4.900	2.100	Khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài Chính và theo chứng từ thực tế
	Chi phí tạo phôi, in ấn và phát giấy chứng nhận	cái	35	60	2.100	1.470	630	Chi phí thực tế căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025
	Văn phòng phẩm (ống mực in Laser, gram giấy A4, giấy than, Giấy A1, keo dán, kéo, băng keo 2 mặt, thùng lưu hồ sơ, bút lông, tệp nhựa, dụng cụ phục vụ học thực hành...)	Lớp	1	4.000	4.000	2.800	1.200	
	Chi phí tài liệu	Bộ	35	140	4.900	3.430	1.470	
	Xây dựng tài liệu học tập bản điện tử phục vụ giảng dạy trực tuyến.	Lớp	1	2.000	2.000	1.400	600	Căn cứ Khoản 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022
	Thuê mượn chuyên gia giảng dạy (4 buổi x 3.000.000 đồng/người/buổi)	buổi	4	3.000	12.000	8.400	3.600	Căn cứ Khoản 1 Điều 4 Nghị Quyết 97/2025/NQ-HĐND
	Chi phí trợ giảng hỗ trợ học viên thực hành, làm bài tập (2.000.000 đồng/người/buổi x 4 buổi x 1 người)	buổi	4	2.000	8.000	5.600	2.400	
	Chi hoạt động quản lý đào tạo:					-	-	
	Nhân công chiêu sinh, chăm sóc học viên trước khi tổ chức lớp học: Rà soát, lập danh sách gửi thư chiêu sinh; liên hệ mời doanh nghiệp tham gia khóa học. Tiếp nhận thông tin đăng ký, thu thập, tổng hợp, quản lý và hướng dẫn học viên tham gia trước khóa học) (230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 3 ngày x 2 người)	ngày công	3	460	1.380	966	414	Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025
	Nhân công quản lý chuẩn bị tổ chức lớp (liên hệ giảng viên, liên hệ thuê phòng học, nước uống, ... ((230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 3 ngày x 2 người))	ngày công	3	460	1.380	966	414	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
	Nhân công quản lý và chăm sóc lớp sau khóa học: thu thập và quản lý hồ sơ học viên, giải đáp, chuẩn bị và gửi giấy chứng nhận học viên,... (230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 3 ngày x 1 người)	ngày công	3	230	690	483	207	Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025
	Nhân công làm báo cáo sau lớp học (230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 3 ngày x 1 người)	ngày công	3	230	690	483	207	
	Công tác quản lý chung (230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 7 ngày x 1 người)	ngày công	7	230	1.610	1.127	483	
2	Huấn luyện kỹ năng quản trị theo mô hình tiên tiến Đối tượng: cán bộ quản lý, trưởng ca/kíp, quản lý tiềm năng... Hình thức huấn luyện: trực tiếp, trực tuyến kết hợp Số lượng: 5 lớp (35 hv/lớp) Thời lượng huấn luyện : 4 buổi/lớp/chuyên đề	Lớp	5	89.050	445.250	311.675	133.575	
	Chi phí cho 1 lớp huấn luyện (4 buổi)	Lớp	1		89.050	62.335	26.715	
	Chi phí thiết kế, in ấn: Công văn/Thông báo chiêu sinh, Phiếu đăng ký để gửi thư chiêu sinh, bì thư, phí gấp thư	Bộ	800	5	4.000	2.800	1.200	Thanh toán theo chứng từ thực tế
	Gửi thư chiêu sinh	Thư	800	6	4.800	3.360	1.440	
	Chi phí gọi điện chiêu sinh, chăm sóc học viên trước - trong - sau khóa học.	Lớp	1	1.000	1.000	700	300	
	Thuê hội trường	Lớp	1	19.500	19.500	13.650	5.850	Chi phí thực tế căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025
	Micro, Âm thanh, Ánh sáng	Lớp	1	4.000	4.000	2.800	1.200	
	Máy chiếu, màn chiếu	Lớp	1	4.000	4.000	2.800	1.200	
	Chi phí trang bị phần mềm đào tạo, tư vấn và bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ quản lý.	Lớp	1	3.000	3.000	2.100	900	
	Đường truyền đảm bảo duy trì hoạt động đào tạo liên tục cho lớp trực tuyến	Lớp	1	2.000	2.000	1.400	600	
	Thiết kế trình chiếu Banner (khai giảng) và thiết kế, in ấn standee	lớp	1	1.000	1.000	700	300	Căn cứ Điểm i Khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2018/TT-BTC

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
	Hỗ trợ nước uống cho học viên (50.000đồng/1 buổi/1 người x 4 buổi x 35 người)	Buổi	4	1.750	7.000	4.900	2.100	Khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài Chính và theo chứng từ thực tế
	Chi phí tạo phôi, in ấn và phát giấy chứng nhận	cái	35	60	2.100	1.470	630	Chi phí thực tế căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025
	Văn phòng phẩm (ống mực in Laser, gram giấy A4, giấy than, Giấy A1, keo dán, kéo, băng keo 2 mặt, thùng lưu hồ sơ, bút lông, tệp nhựa, dụng cụ phục vụ học thực hành...)	Lớp	1	4.000	4.000	2.800	1.200	
	Chi phí tài liệu	Bộ	35	140	4.900	3.430	1.470	
	Xây dựng tài liệu học tập bản điện tử phục vụ giảng dạy trực tuyến.	Lớp	1	2.000	2.000	1.400	600	Căn cứ Khoản 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022
	Thuê mướn chuyên gia giảng dạy (4 buổi x 3.000.000 đồng/người/buổi)	buổi	4	3.000	12.000	8.400	3.600	Căn cứ Khoản 1 Điều 4 Nghị Quyết 97/2025/NQ-HĐND
	Chi phí trợ giảng hỗ trợ học viên thực hành, làm bài tập (2.000.000 đồng/người/buổi x 4 buổi x 1 người)	buổi	4	2.000	8.000	5.600	2.400	
	Chi hoạt động quản lý đào tạo:					-	-	
	Nhân công chiêu sinh, chăm sóc học viên trước khi tổ chức lớp học: Rà soát, lập danh sách gửi thư chiêu sinh; liên hệ mời doanh nghiệp tham gia khóa học. Tiếp nhận thông tin đăng ký, thu thập, tổng hợp, quản lý và hướng dẫn học viên tham gia trước khóa học) (230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 3 ngày x 2 người)	ngày công	3	460	1.380	966	414	Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025
	Nhân công quản lý chuẩn bị tổ chức lớp (liên hệ giảng viên, liên hệ thuê phòng học, nước uống, ... ((230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 3 ngày x 2 người))	ngày công	3	460	1.380	966	414	
	Nhân công quản lý và chăm sóc lớp sau khóa học: thu thập và quản lý hồ sơ học viên, giải đáp, chuẩn bị và gửi giấy chứng nhận học viên,... (230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 3 ngày x 1 người)	ngày công	3	230	690	483	207	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Chi chú
	Nhân công làm báo cáo sau lớp học (230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 3 ngày x 1 người)	ngày công	3	230	690	483	207	Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025
	Công tác quản lý chung (230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 7 ngày x 1 người)	ngày công	7	230	1.610	1.127	483	
3	Huấn luyện kỹ năng áp dụng công cụ cải tiến nâng cao năng suất, chất lượng Đối tượng: cán bộ quản lý, trưởng ca/kíp, quản lý tiềm năng... Hình thức huấn luyện: trực tiếp, trực tuyến kết hợp Số lượng: 5 lớp (35 hv/lớp) Thời lượng huấn luyện : 4 buổi/lớp/chuyên đề	Lớp	5	89.050	445.250	311.675	133.575	
	Chi phí cho 1 lớp huấn luyện (4 buổi)	Lớp	1		89.050	62.335	26.715	
	Chi phí thiết kế, in ấn: Công văn/Thông báo chiêu sinh, Phiếu đăng ký đề gửi thư chiêu sinh, bì thư, phí gấp thư	Bộ	800	5	4.000	2.800	1.200	Thanh toán theo chứng từ thực tế
	Gửi thư chiêu sinh	Thư	800	6	4.800	3.360	1.440	
	Chi phí gọi điện chiêu sinh, chăm sóc học viên trước - trong - sau khóa học.	Lớp	1	1.000	1.000	700	300	
	Thuế hội trường	Lớp	1	19.500	19.500	13.650	5.850	
	Micro, Âm thanh, Ánh sáng	Lớp	1	4.000	4.000	2.800	1.200	
	Máy chiếu, màn chiếu	Lớp	1	4.000	4.000	2.800	1.200	Chi phí thực tế căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025
	Chi phí trang bị phần mềm đào tạo, tư vấn và bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ quản lý.	Lớp	1	3.000	3.000	2.100	900	
	Đường truyền đảm bảo duy trì hoạt động đào tạo liên tục cho lớp trực tuyến	Lớp	1	2.000	2.000	1.400	600	
	Thiết kế trình chiếu Banner (khai giảng) và thiết kế, in ấn standee	Lớp	1	1.000	1.000	700	300	Chi phí thực tế căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025
	Hỗ trợ nước uống cho học viên (50.000đồng/1 buổi/1 người x 4 buổi x 35 người)	Buổi	4	1.750	7.000	4.900	2.100	Khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài Chính và theo chứng từ thực tế

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
	Chi phí tạo phôi, in ấn và phát giấy chứng nhận	cái	35	60	2.100	1.470	630	Chi phí thực tế căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025
	Văn phòng phẩm (ống mực in Laser, gram giấy A4, giấy than, Giấy A1, keo dán, kéo, băng keo 2 mặt, thùng lưu hồ sơ, bút lông, tệp nhựa, dụng cụ phục vụ học thực hành...)	Lớp	1	4.000	4.000	2.800	1.200	
	Chi phí tài liệu	Bộ	35	140	4.900	3.430	1.470	
	Xây dựng tài liệu học tập bản điện tử phục vụ giảng dạy trực tuyến.	Lớp	1	2.000	2.000	1.400	600	Căn cứ Khoản 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư 06/2022/TT-BKHDT ngày 10/5/2022
	Thuê mượn chuyên gia giảng dạy (4 buổi x 3.000.000 đồng/người/buổi)	buổi	4	3.000	12.000	8.400	3.600	Căn cứ Khoản 1 Điều 4 Nghị Quyết 97/2025/NQ-HĐND
	Chi phí trợ giảng hỗ trợ học viên thực hành, làm bài tập (2.000.000 đồng/người/buổi x 4 buổi x 1 người)	buổi	4	2.000	8.000	5.600	2.400	
	Chi hoạt động quản lý đào tạo:					-	-	
	Nhân công chiêu sinh, chăm sóc học viên trước khi tổ chức lớp học: Rà soát, lập danh sách gửi thư chiêu sinh; liên hệ mời doanh nghiệp tham gia khóa học. Tiếp nhận thông tin đăng ký, thu thập, tổng hợp, quản lý và hướng dẫn học viên tham gia trước khóa học) (230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 3 ngày x 2 người)	ngày công	3	460	1.380	966	414	Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025
	Nhân công quản lý chuẩn bị tổ chức lớp (liên hệ giảng viên, liên hệ thuê phòng học, nước uống, ... ((230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 3 ngày x 2 người))	ngày công	3	460	1.380	966	414	
	Nhân công quản lý và chăm sóc lớp sau khóa học: thu thập và quản lý hồ sơ học viên, giải đáp, chuẩn bị và gửi giấy chứng nhận học viên,... (230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 3 ngày x 1 người)	ngày công	3	230	690	483	207	
	Nhân công làm báo cáo sau lớp học (230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 3 ngày x 1 người)	ngày công	3	230	690	483	207	
	Công tác quản lý chung (230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 7 ngày x 1 người)	ngày công	7	230	1.610	1.127	483	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
4	Huấn luyện kỹ năng quản trị trong chiến lược hiện thực hóa ESG và phát triển bền vững Đối tượng: cán bộ quản lý, trưởng ca/kíp, quản lý tiềm năng,... Hình thức huấn luyện: trực tiếp, trực tuyến kết hợp Số lượng: 4 lớp (35 hv/lớp) Thời lượng huấn luyện : 4 buổi/lớp/chuyên đề	Lớp	4	89.050	356.200	249.340	106.860	
	<i>Chi phí cho 1 lớp huấn luyện (4 buổi)</i>	<i>Lớp</i>	<i>1</i>		<i>89.050</i>	<i>62.335</i>	<i>26.715</i>	
	Chi phí thiết kế, in ấn: Công văn/Thông báo chiêu sinh, Phiếu đăng ký để gửi thư chiêu sinh, bì thư, phí gấp thư	Bộ	800	5	4.000	2.800	1.200	Thanh toán theo chứng từ thực tế
	Gửi thư chiêu sinh	Thư	800	6	4.800	3.360	1.440	
	Chi phí gọi điện chiêu sinh, chăm sóc học viên trước - trong - sau khóa học.	Lớp	1	1.000	1.000	700	300	
	Thuê hội trường	Lớp	1	19.500	19.500	13.650	5.850	Chi phí thực tế căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025
	Micro, Âm thanh, Ánh sáng	Lớp	1	4.000	4.000	2.800	1.200	
	Máy chiếu, màn chiếu	Lớp	1	4.000	4.000	2.800	1.200	
	Chi phí trang bị phần mềm đào tạo, tư vấn và bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ quản lý.	Lớp	1	3.000	3.000	2.100	900	
	Đường truyền đảm bảo duy trì hoạt động đào tạo liên tục cho lớp trực tuyến	Lớp	1	2.000	2.000	1.400	600	
	Thiết kế trình chiếu Banner (khai giảng) và thiết kế, in ấn standee	Lớp	1	1.000	1.000	700	300	Chi phí thực tế căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025
	Hỗ trợ nước uống cho học viên (50.000đồng/1 buổi/1 người x 4 buổi x 35 người)	Buổi	4	1.750	7.000	4.900	2.100	Khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài Chính và theo chứng từ thực tế
	Chi phí tạo phôi, in ấn và phát giấy chứng nhận	cái	35	60	2.100	1.470	630	Chi phí thực tế căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025
	Văn phòng phẩm (ống mực in Laser, gram giấy A4, giấy than, Giấy A1, keo dán, kéo, băng keo 2 mặt, thùng lưu hồ sơ, bút lông, tệp nhựa, dụng cụ phục vụ học thực hành...)	Lớp	1	4.000	4.000	2.800	1.200	
	Chi phí tài liệu	Bộ	35	140	4.900	3.430	1.470	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
	Xây dựng tài liệu học tập bản điện tử phục vụ giảng dạy trực tuyến.	Lớp	1	2.000	2.000	1.400	600	Căn cứ Khoản 2 Mục 1 Phụ lục 3.2 Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022
	Thuê mướn chuyên gia giảng dạy (4 buổi x 3.000.000 đồng/người/buổi)	buổi	4	3.000	12.000	8.400	3.600	Căn cứ Khoản 1 Điều 4 Nghị Quyết 97/2025/NQ-HĐND
	Chi phí trợ giảng hỗ trợ học viên thực hành, làm bài tập (2.000.000 đồng/người/buổi x 4 buổi x 1 người)	buổi	4	2.000	8.000	5.600	2.400	
	Chi hoạt động quản lý đào tạo:					-	-	
	Nhân công chiêu sinh, chăm sóc học viên trước khi tổ chức lớp học: Rà soát, lập danh sách gửi thư chiêu sinh; liên hệ mời doanh nghiệp tham gia khóa học. Tiếp nhận thông tin đăng ký, thu thập, tổng hợp, quản lý và hướng dẫn học viên tham gia trước khóa học) (230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 3 ngày x 2 người)	ngày công	3	460	1.380	966	414	Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025
	Nhân công quản lý chuẩn bị tổ chức lớp (liên hệ giảng viên, liên hệ thuê phòng học, nước uống, ... ((230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 3 ngày x 2 người))	ngày công	3	460	1.380	966	414	
	Nhân công quản lý và chăm sóc lớp sau khóa học: thu thập và quản lý hồ sơ học viên, giải đáp, chuẩn bị và gửi giấy chứng nhận học viên,... (230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 3 ngày x 1 người)	ngày công	3	230	690	483	207	
	Nhân công làm báo cáo sau lớp học (230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 3 ngày x 1 người)	ngày công	3	230	690	483	207	
	Công tác quản lý chung (230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 7 ngày x 1 người)	ngày công	7	230	1.610	1.127	483	
5	Huấn luyện nâng cao trình độ cho người lao động của doanh nghiệp Đối tượng: cán bộ , công nhân viên, người lao động... của doanh nghiệp. Hình thức huấn luyện: trực tiếp Số lượng: 4 lớp (30 hv/lớp) Thời lượng 1 lớp huấn luyện: 6 buổi (bao gồm 4 buổi lý thuyết tại lớp + 2 buổi học tập thực tế tại nhà máy)	lớp	4	124.050	496.200	347.340	148.860	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
	Chi phí cho 1 lớp huấn luyện (6 buổi)	lớp	1		124.050	86.835	37.215	
	Chi phí thiết kế, in ấn: Công văn/Thông báo chiêu sinh, Phiếu đăng ký để gửi thư chiêu sinh, bì thư, phí gấp thư	Bộ	800	5	4.000	2.800	1.200	Thanh toán theo chứng từ thực tế
	Gửi thư chiêu sinh	Thư	800	6	4.800	3.360	1.440	
	Chi phí gọi điện chiêu sinh, chăm sóc học viên trước - trong - sau khóa học.	Lớp	1	1.000	1.000	700	300	
	Thuê hội trường	Lớp	1	19.500	19.500	13.650	5.850	Chi phí thực tế căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025
	Micro, Âm thanh, Ánh sáng	Lớp	1	4.000	4.000	2.800	1.200	
	Máy chiếu, màn chiếu	Lớp	1	4.000	4.000	2.800	1.200	
	Thiết kế trình chiếu Banner (khai giảng) và thiết kế, in ấn standee	Lớp	1	1.000	1.000	700	300	
	Hỗ trợ nước uống cho học viên (50.000đồng/1 buổi/1 người x 6 buổi x 30 người)	Buổi	6	1.500	9.000	6.300	2.700	Khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài Chính và theo chứng từ thực tế
	Chi phí tạo phôi, in ấn và phát giấy chứng nhận	cái	30	60	1.800	1.260	540	Chi phí thực tế căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025
	Văn phòng phẩm (ống mực in Laser, gram giấy A4, giấy than, Giấy A1, keo dán, kéo, băng keo 2 mặt, thùng lưu hồ sơ, bút lông, tệp nhựa,...)	Lớp	1	4.000	4.000	2.800	1.200	
	Chi phí tài liệu	Bộ	30	140	4.200	2.940	1.260	
	Dụng cụ, thiết bị học thực hành tại lớp	Lớp	1	3.000	3.000	2.100	900	
	Thuê mướn chuyên gia giảng dạy (6 buổi x 3.000.000 đồng/người/buổi)	buổi	6	3.000	18.000	12.600	5.400	Căn cứ Khoản 1 Điều 4 Nghị Quyết 97/2025/NQ-HĐND
	Chi phí trợ giảng hỗ trợ học viên thực hành, làm bài tập (2.000.000 đồng/người/buổi x 6 buổi)	buổi	6	2.000	12.000	8.400	3.600	
	Thuê xe đưa đón học viên đến doanh nghiệp học tập thực tế (Xe 16 chỗ: 2 chiếc/lớp/buổi x 2 buổi)	chiếc	4	4.000	16.000	11.200	4.800	Thanh toán theo chứng từ thực tế
	Chi phí thuê xưởng thực hành, học tập thực tế	buổi	2	6.000	12.000	8.400	3.600	Thanh toán theo chứng từ thực tế

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
	<i>Chi hoạt động quản lý đào tạo:</i>					-	-	
	Nhân công chiêu sinh, chăm sóc học viên trước khi tổ chức lớp học: Rà soát, lập danh sách gửi thư chiêu sinh; liên hệ mời doanh nghiệp tham gia khóa học. Tiếp nhận thông tin đăng ký, thu thập, tổng hợp, quản lý và hướng dẫn học viên tham gia trước khóa học) (230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 3 ngày x 2 người)	ngày công	3	460	1.380	966	414	<i>Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025</i>
	Nhân công quản lý chuẩn bị tổ chức lớp (liên hệ giảng viên, liên hệ thuê phòng học, nước uống, ... (230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 3 ngày x 2 người))	ngày công	3	460	1.380	966	414	
	Nhân công quản lý và chăm sóc lớp sau khóa học: thu thập và quản lý hồ sơ học viên, giải đáp, chuẩn bị và gửi giấy chứng nhận học viên,... (230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 3 ngày x 1 người)	ngày công	3	230	690	483	207	
	Nhân công làm báo cáo sau lớp học (230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 3 ngày x 1 người)	ngày công	3	230	690	483	207	
	Công tác quản lý chung (230.000 đồng/ người/lớp/ngày x 7 ngày x 1 người)	ngày công	7	230	1.610	1.127	483	
II	Thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm công nghiệp Thành phố (hội nghị, hội thảo,...)				634.800	634.800		Nguồn: kinh phí chi sự nghiệp kinh tế - Sự nghiệp kinh tế khác
1	Tổ chức Hội nghị/Hội thảo về chuyển đổi số, đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh,... - Địa điểm: Hà Nội - Thời gian: Quý II/2026	Kỳ	2	157.900	315.800	315.800		Theo báo giá của đơn vị tổ chức
	<i>Chi phí tổ chức 01 kỳ</i>	Kỳ	1		<i>157.900</i>	<i>157.900</i>		
	Thuê hội trường (ngày chính thức, ngày chuẩn bị)	ngày	2	40.000	80.000	80.000		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh
	Thuê màn hình Led P3, kích thước 3m x 8m	Kỳ	1	20.000	20.000	20.000		
	Thiết kế Phòng nền sân khấu, standee/bảng chỉ đường	Gói	1	10.000	10.000	10.000		
	Nước uống, trà, café phục vụ hội thảo 50.000 đ/người x 100 người = 5.000.000 đ	buổi	1	5.000	5.000	5.000		Khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
	Lễ tân, nhân viên phục vụ tiếp đón, bàn đăng ký/điểm danh	Người	4	500	2.000	2.000		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh
	MC dẫn chương trình (tiếng Anh, tiếng Việt)	Người	2	3.500	7.000	7.000		
	Bàn Ghế khách mời, bao vải trang trí bàn ghế	cái	80	70	5.600	5.600		
	Thủ lao diễn giả	Phát biểu	5	500	2.500	2.500		
	Thuê âm thanh ánh sáng phục vụ chương trình	Lần	1	25.000	25.000	25.000		
	Chi phí gấp thư mời, mua bì thư, gửi thư mời	Thư	80	10	800	800		
2	Tổ chức Hội nghị/Hội thảo về phát triển công nghiệp cơ khí và chế tạo thông minh, trình diễn Công nghệ Hàn cắt; Tọa đàm kết nối doanh nghiệp,... - Địa điểm: TP.HCM - Thời gian: Quý IV/2026	Kỳ	2	159.500	319.000	319.000		Theo báo giá của đơn vị tổ chức
	Chi phí tổ chức 01 kỳ	Kỳ	1		159.500	159.500		
	Thuê hội trường (ngày chính thức, ngày chuẩn bị)	ngày	2	40.000	80.000	80.000		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh
	Thuê màn hình Led P3, kích thước 3m x 8m	Kỳ	1	20.000	20.000	20.000		
	Thiết kế Phòng nền sân khấu, standee/bảng chỉ đường	Gói	1	10.000	10.000	10.000		
	Nước uống, trà, café phục vụ hội thảo 50.000 đ/người x 100 người = 5.000.000 đ	buổi	1	5.000	5.000	5.000		Khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025
	Lễ tân, nhân viên phục vụ tiếp đón, bàn đăng ký/điểm danh	Người	4	500	2.000	2.000		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh
	MC dẫn chương trình (tiếng Anh, tiếng Việt)	Người	2	3.500	7.000	7.000		
	Bàn Ghế khách mời, bao vải trang trí bàn ghế	cái	100	70	7.000	7.000		
	Thủ lao diễn giả	Phát biểu	5	500	2.500	2.500		
	Thuê âm thanh ánh sáng phục vụ chương trình	Lần	1	25.000	25.000	25.000		
	Chi phí gấp thư mời, mua bì thư, gửi thư mời	Thư	100	10	1.000	1.000		
III	Tổ chức thực hiện các hoạt động thông tin tuyên truyền về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm công nghiệp Thành phố trên báo, đài phát thanh, truyền hình, Cổng thông tin Chính phủ,...				2.969.000	2.969.000	-	Nguồn: kinh phí chi sự nghiệp kinh tế - Sự nghiệp kinh tế khác
1	Xây dựng phim ngắn quảng bá	Phim	30	15.000	450.000	450.000		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
	Chi phí xây dựng 1 phim ngắn quảng cáo (dưới 60 giây)	Phim	1	15.000	15.000	15.000		
	Viết kịch bản	Gói	1	3.000	3.000	3.000		
	Thực hiện khảo sát, thu thập thông tin về doanh nghiệp, thị trường/chính sách	Gói	1	2.000	2.000	2.000		
	Viết, hoàn thiện nội dung	Gói	1	2.000	2.000	2.000		
	Rà soát, sàng lọc và thực hiện quay phim tư liệu	Gói	1	5.000	5.000	5.000		
	Xử lý hậu kỳ, xây dựng hoàn thành phim (dự thảo)	Gói	1	3.000	3.000	3.000		
2	Thực hiện thông tin tuyên truyền, quảng bá online				254.000	254.000		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh
	Thực hiện thông tin tuyên truyền, quảng bá trên Youtube (35.000 lượt quan tâm)	Gói	1	122.000	122.000	122.000		
	Thực hiện thông tin tuyên truyền, quảng bá trên Facebook (55.000 lượt quan tâm x 2.400đ/lượt)	Gói	1	132.000	132.000	132.000		
3	Thực hiện thông tin tuyên truyền trên đài truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh (HTV)				1.770.000	1.770.000		Theo báo giá của đơn vị và Thanh toán theo thực tế
3.1	Tổ chức quay phim, thu thập thông tin, hình ảnh, biên tập nội dung.....: tổ chức sự kiện, xây dựng phóng sự, thời lượng tối thiểu 10-12 phút/phóng sự	Phóng sự	30	37.000	1.110.000	1.110.000		
	Chi phí 01 lần thực hiện sản xuất Phóng sự				37.000	37.000		
	Thực hiện khảo sát, thu thập thông tin về doanh nghiệp	Gói	1	2.000	2.000	2.000		
	Viết kịch bản	Gói	1	5.000	5.000	5.000		
	Rà soát, sàng lọc doanh nghiệp và thực hiện quay phim phóng sự	Gói	1	25.000	25.000	25.000		
	Xử lý hậu kỳ, hoàn thành phim phóng sự	Gói	1	5.000	5.000	5.000		
3.2	Chi phí phát sóng	phóng sự	30	22.000	660.000	660.000		
4	Thực hiện thông tin tuyên truyền, quảng bá trên bảng Led tại các vị trí trung tâm và các cửa ngõ Thành phố				495.000	495.000		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
	- Số lượng: 5 màn hình LED - Yêu cầu kỹ thuật: màn hình P5 phát 30 clip mỗi clip tối đa 15 giây - Số lần phát hình tối thiểu: 240 lần/ngày, thời lượng quảng cáo từ 6h00 đến 22h00, phát trong 30 ngày - Vị trí: khu vực ngã tư, bến xe, vị trí trung tâm đông dân cư và các cửa ngõ Thành phố. - Tổng diện tích tối thiểu: 190 m ²	Gói	1	495.000	495.000	495.000		
B. CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN TỪ NGUỒN KINH PHÍ CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI					8.154.256	8.154.256	-	
I	Thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm công nghiệp Thành phố (hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo...)				8.154.256	8.154.256	-	Nguồn: kinh phí chi sự nghiệp kinh tế - Xúc tiến thương mại
1	Tham gia cụm gian hàng tại triển lãm Quốc tế về máy móc, thiết bị, công nghệ và sản phẩm công nghiệp tại Hà Nội				495.380	495.380	-	
1.1	Tổ chức không gian trưng bày	Ký	1		495.380	495.380		Căn cứ Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết 60/2025/NQ-HĐND
1.1.1	Chi phí thuê khu vực đất trống				220.000	220.000		
	Thuê đất trống (10x10 m2)	m2	100	2.200	220.000	220.000		Theo báo giá của đơn vị tổ chức
1.1.2	Chi phí thiết kế, vách dựng, bạt in, chữ nổi				45.360	45.360		
	Chi phí thiết kế				20.000	20.000		
	Chi phí thiết kế tổng thể không gian	Lần	1	10.000	10.000	10.000		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh
	Chi phí thiết kế cổng chào (4x5 m2)	lần	1	5.000	5.000	5.000		
	Chi phí thiết kế quầy, bục	lần	1	5.000	5.000	5.000		
	Chi phí in bạt				25.360	25.360		
	Chi phí in bạt 100 m2 (in ấn 4 mặt x 25m2)	m2	100	50	5.000	5.000		
	Chi phí in bạt 4 trụ đỡ (0,3 x 0,3 x 5, dán 4 mặt)	m2	7	50	360	360		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh
	Chi phí in bạt dán lên vách dựng (Dán 2 mặt vách: 50 x 2 = 100m2)	m2	100	50	5.000	5.000		
	Bộ bảng tên (mica hoặc khắc CNC)	bộ	4	2.500	10.000	10.000		
	Chi phí nhân công thi công vận chuyển, lắp đặt, tháo dỡ	m2	100	50	5.000	5.000		

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
1.1.3	Chi phí dàn dựng, âm thanh, ánh sáng, bàn ghế				145.840	145.840		
	Chi phí thi công cột/trụ đỡ, vách dựng, cổng khu trưng bày (Khung đỡ bằng sắt V40, hàn thành khối hình vuông/chữ nhật Bề mặt được ốp tấm thạch cao/phôm poly)				67.540	67.540		
	3 Cổng chào (4x5 = 20 m2)	m2	60	300	18.000	18.000		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh
	4 Trụ/cột đỡ (0,3 x 0,3 x 5)	m2	2	300	540	540		
	Vách dựng (2 mặt x 50m2/1 mặt)	m2	100	200	20.000	20.000		
	Chi phí vận chuyển	chuyến	2	3.500	7.000	7.000		
	Chi phí nhân công lắp ráp và tháo dỡ	lượt	2	10.000	20.000	20.000		
	Vật tư phụ lắp đặt	Gói	1	2.000	2.000	2.000		
	Chi phí thuê âm thanh, ánh sáng, bàn ghế, thảm trang trí				78.300	78.300		
	Hệ thống màn hình LED (Thuê, lắp đặt, vận hành màn hình LED tổ chức trình diễn. Ánh sáng chuẩn, nét)	Gói	1	27.000	27.000	27.000	-	
	Thuê âm thanh phục vụ chương trình	Gói	1	25.000	25.000	25.000	-	
	Đèn LED pha chiếu sáng chung khu vực	Cái	8	350	2.800	2.800		
	Ổ cắm điện	Cái	5	100	500	500		
	Dây điện, phụ kiện liên quan và nhân công	Bộ	1	5.000	5.000	5.000		
	Bàn	Cái	15	400	6.000	6.000		
	Ghế	Cái	30	100	3.000	3.000		
	Trải thảm đỏ	m2	100	90	9.000	9.000		
1.1.4	Chi phí kệ, bục trưng bày	Cái	12		54.180	54.180		
	Kệ trưng bày sản phẩm có khối lượng nhẹ (<2kg, vật liệu nhựa, chi tiết nhỏ...) Kích thước kệ 0,5m (R) x 2,4m (D) x 1,2m (C)	Cái	6	4.030	24.180	24.180		
	Ván MDF 12mm	Bộ	1	2.000	2.000	2.000		
	Bảng tên Doanh nghiệp	Cái	20	80	1.600	1.600		
	Chi phí nhân công, vận chuyển, bốc xếp	Cái	1	1.950	1.950	1.950		

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
	Bục trưng bày sản phẩm có khối lượng nặng (khuôn kim loại, thiết bị điện,...) Kích thước bục 1m (R) x 1m (D) x 1m (C)	Cái	6	5.000	30.000	30.000		
	Ván MDF 20mm	bộ	1	2.600	2.600	2.600		
	Khung sắt gia cố chịu lực	Bộ	1	1.500	1.500	1.500		
	Chi phí nhân công, vận chuyển, bốc xếp	Cái	1	900	900	900		
1.1.5	Chi phí quản lý, vận hành chung của sự kiện	Gói	1		30.000	30.000		
	Quản lý toàn bộ sự kiện xuyên suốt quá trình chuẩn bị, tổ chức, tháo dỡ: - Lập kế hoạch chi tiết phối hợp thi công, tổ chức thực hiện, giám sát quá trình triển khai, điều phối công việc xuyên suốt chương trình cho đến khi kết thúc: tổng quản lý chương trình, giám sát kỹ thuật, mỹ thuật, đơn đốc tiến độ thi công, giám sát, theo dõi, đơn đốc khắc phục lỗi khi thi công. - Giám sát, đơn đốc triển khai đúng tiến độ các phần công việc liên quan đến nội dung chương trình, Lễ khai mạc, quảng bá sự kiện, trang trí... - Đảm bảo công tác bàn giao 100% gian hàng. - Tiếp xúc, giải đáp, hỗ trợ kỹ thuật, vệ sinh, an ninh... tại tất cả các gian hàng xuyên suốt các ngày diễn ra sự kiện. - Giám sát, đảm bảo mỹ quan, vệ sinh toàn bộ sự kiện các ngày diễn ra sự kiện. - Kiểm soát 100% hàng hóa ra vào sự kiện, đảm bảo nguồn gốc xuất xứ hàng hóa trưng bày tại sự kiện, báo cáo Ban tổ chức và phối hợp xử lý vi phạm. - Xử lý triệt để, kịp thời phát sinh trong quá trình thực hiện và đề nghị của chủ đầu tư. - Các nội dung khác.	Gói	1	30.000	30.000	30.000		
2	Tham gia Triển lãm Quốc tế Công nghiệp Hóa chất, kỹ thuật cao su – nhựa				2.136.048	2.136.048	-	
2.1	Tổ chức không gian trưng bày	Kỳ	1		2.136.048	2.136.048		Căn cứ Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết 60/2025/NQ-HĐND
2.1.1	Chi phí thuê khu vực đất trống				1.100.000	1.100.000		
	Thuê đất trống (50x10m2)	m2	500	2.200	1.100.000	1.100.000		Theo báo giá của đơn vị tổ chức

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
2.1.2	Chi phí thiết kế, in ấn tổng thể				182.623	182.623		
	Chi phí thiết kế				69.055	69.055		
	Chi phí thiết kế tổng thể không gian tổ chức sự kiện và không gian bên ngoài	Lần	1	13.000	13.000	13.000		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh
	Chi phí thiết kế 03 cổng chào (4x5 m2)	lần	1	15.000	15.000	15.000		
	Chi phí thiết kế quây, bục	lần	1	7.500	7.500	7.500		
	Pano thả trần: 3m x 5m	tấm	6	3.500	21.000	21.000		
	Phướn quanh hàng rào cổng: 1m x 5m	tấm	10	824	8.235	8.235		
	Cờ xí quanh nhà triển lãm: 0.5m x 1.5m	tấm	10	432	4.320	4.320		
	Chi phí in bạt				113.568	113.568		
	Chi phí in bạt 500m2 (in ấn 4 mặt * 125m2)	m2	500	65	32.500	32.500		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh
	Chi phí in bạt 4 trụ đỡ (0,3 x 0,3 x 5, dán 4 mặt)	m2	7	65	468	468		
	Chi phí in bạt dán lên vách dựng (Dán 2 mặt vách: 250 x 2 = 500m2)	m2	500	65	32.500	32.500		
	Bộ bảng tên (mica hoặc khắc CNC)	Bộ	6	2.600	15.600	15.600		
	Chi phí nhân công thi công vận chuyển, lắp đặt, tháo dỡ	m2	500	65	32.500	32.500		
2.1.3	Chi phí dàn dựng cổng, trang trí tổng thể				470.425	470.425		
	Chi phí thi công cột/trụ đỡ, vách dựng, cổng sự kiện (Khung đỡ bằng sắt V40, hàn thành khối hình vuông/chữ nhật Bề mặt được ốp ván gỗ công nghệ, dán decal)				198.775	198.775		
	3 Cổng chào (4x5 = 20 m2)	m2	60	390	23.400	23.400		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh
	Các trụ/cột đỡ (0,3 x 0,3 x 5)	m2	23	390	8.775	8.775		
	Vách dựng (2 mặt x 250m2/1 mặt)	m2	500	260	130.000	130.000		
	Chi phí vận chuyển	chuyến	2	4.000	8.000	8.000		
	Chi phí nhân công lắp ráp và tháo dỡ	lượt	2	13.000	26.000	26.000		
	Vật tư phụ lắp đặt	Gói	1	2.600	2.600	2.600		
	Chi phí thuê mướn âm thanh, ánh sáng, bàn ghế, thảm trang trí				137.400	137.400		
	Hệ thống màn hình LED (Thuê, lắp đặt, vận hành màn hình LED tổ chức trình diễn. Ánh sáng chuẩn, nét. Kích thước 3mx5m=15m2 x 1.800.000vnd/m2	Gói	1	27.000	27.000	27.000	-	

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
	Đèn LED ánh sáng vàng chiếu sáng kệ	Cái	25	300	7.500	7.500		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh
	Đèn LED pha chiếu sáng chung khu vực	Cái	25	300	7.500	7.500		
	Ổ cắm điện	Cái	30	130	3.900	3.900		
	Dây điện, phụ kiện liên quan và nhân công	Bộ	1	6.500	6.500	6.500		
	Bảng tên Doanh nghiệp	Cái	80	80	6.400	6.400		
	Bàn tiếp khách	Cái	20	420	8.400	8.400		
	Ghế	Cái	40	130	5.200	5.200		
	Màn hình Tivi 60 inches	Cái	2	5.000	10.000	10.000		
	Trải thảm đỏ khu vực trung bày	m2	500	110	55.000	55.000		
	Chi phí kệ, bục trưng bày	Cái	30		134.250	134.250		
	Kệ trưng bày sản phẩm có khối lượng nhẹ (<2kg, vật liệu nhựa, chi tiết nhỏ...) Kích thước kệ 0,5m (R) x 2,4m (D) x 1,2m (C)	Cái	15	3.950	59.250	59.250		HỒ CHÍ MINH
	Ván MDF 12mm	Bộ	1	2.000	2.000	2.000		
	Chi phí nhân công, vận chuyển, bốc xếp	Cái	1	1.950	1.950	1.950		CÔNG THƯƠNG
	Bục trưng bày sản phẩm có khối lượng nặng (khuôn kim loại, thiết bị điện,...) Kích thước bục 1m (R) x 1m (D) x 1m (C)	Cái	15	5.000	75.000	75.000		
	Ván MDF 20mm	bộ	1	2.600	2.600	2.600		
	Khung sắt gia cố chịu lực	Bộ	1	1.500	1.500	1.500		
	Chi phí nhân công, vận chuyển, bốc xếp	Lượt	1	900	900	900		
2.1.4	Chi phí Dàn dựng Khu vực trình diễn sản phẩm theo ngành	cụm	2	176.500	353.000	353.000		
	Thi công hệ khung sắt kết cấu, dựng vách bằng MDF/khung sắt hoặc nhôm định hình và dán decal bảng hiệu	m2	100	1.350	135.000	135.000		
	Thi công hệ thống điện kỹ thuật – cấp nguồn – ổ cắm – dây dẫn, lắp đặt hệ thống chiếu sáng trang trí và chiếu điểm sản phẩm (spotlight LED)	Gói	1	10.000	10.000	10.000		
	Thuê bàn ghế (1 bàn 2 ghế)	Cái	10	550	5.500	5.500		
	Chi phí nhân công lắp ráp và tháo dỡ	lượt	2	13.000	26.000	26.000		

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
2.1.5	Chi phí quản lý, vận hành chung của sự kiện	Gói	1		30.000	30.000		
	Quản lý toàn bộ sự kiện xuyên suốt quá trình chuẩn bị, tổ chức, tháo dỡ: - Lập kế hoạch chi tiết phối hợp thi công, tổ chức thực hiện, giám sát quá trình triển khai, điều phối công việc xuyên suốt chương trình cho đến khi kết thúc: tổng quản lý chương trình, giám sát kỹ thuật, mỹ thuật, đôn đốc tiến độ thi công, giám sát, theo dõi, đôn đốc khắc phục lỗi khi thi công. - Giám sát, đôn đốc triển khai đúng tiến độ các phần công việc liên quan đến nội dung chương trình, Lễ khai mạc, quảng bá sự kiện, trang trí... - Đảm bảo công tác bàn giao 100% gian hàng. - Tiếp xúc, giải đáp, hỗ trợ kỹ thuật, vệ sinh, an ninh... tại tất cả các gian hàng xuyên suốt các ngày diễn ra sự kiện. - Giám sát, đảm bảo mỹ quan, vệ sinh toàn bộ sự kiện các ngày diễn ra sự kiện. - Kiểm soát 100% hàng hóa ra vào sự kiện, đảm bảo nguồn gốc xuất xứ hàng hóa trưng bày tại sự kiện, báo cáo Ban tổ chức và phối hợp xử lý vi phạm. - Xử lý triệt để, kịp thời phát sinh trong quá trình thực hiện và đề nghị của chủ đầu tư. - Các nội dung khác.	Gói	1	30.000	30.000	30.000		
3	Tổ chức không gian trưng bày sản phẩm công nghiệp chế biến, lương thực thực phẩm,...				2.136.048	2.136.048	-	
3.1	Tổ chức không gian trưng bày	Kỳ	1		2.136.048	2.136.048		Căn cứ Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết 60/2025/NQ-HDND
3.1.1	Chi phí thuê khu vực đất trống				1.100.000	1.100.000		
	Thuê đất trống (50x10m2)	m2	500	2.200	1.100.000	1.100.000		Theo báo giá của đơn vị tổ chức
3.1.2	Chi phí thiết kế in ấn tổng thể				182.623	182.623		
	Chi phí thiết kế				69.055	69.055		

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
	Chi phí thiết kế tổng thể không gian tổ chức sự kiện và không gian bên ngoài	Lần	1	13.000	13.000	13.000		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh
	Chi phí thiết kế 03 cổng chào (4x5 m2)	lần	1	15.000	15.000	15.000		
	Chi phí thiết kế quầy, bục	lần	1	7.500	7.500	7.500		
	Pano thả trần: 3m x 5m	tấm	6	3.500	21.000	21.000		
	Phướn quanh khu trưng bày: 1m x 5m	tấm	10	824	8.235	8.235		
	Cờ xí quanh khu trưng bày: 0.5m x 1.5m	tấm	10	432	4.320	4.320		
	Chi phí in bạt				113.568	113.568		
	Chi phí in bạt 500m2 (in ấn 4 mặt x 90m2)	m2	500	65	32.500	32.500		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh
	Chi phí in bạt 4 trụ đỡ (0,3 x 0,3 x 5, dán 4 mặt)	m2	7	65	468	468		
	Chi phí in bạt dán lên vách dựng (Dán 2 mặt vách: 250 x 2 = 500m2)	m2	500	65	32.500	32.500		
	Bộ bảng tên (mica hoặc khắc CNC)	Bộ	6	2.600	15.600	15.600		
	Chi phí nhân công thi công vận chuyển, lắp đặt, tháo dỡ	m2	500	65	32.500	32.500		
3.1.3	Chi phí dàn dựng cổng, trang trí tổng thể				470.425	470.425		
	Chi phí thi công cột/trụ đỡ, vách dựng, cổng sự kiện (Khung đỡ bằng sắt V40, hàn thành khối hình vuông/chữ nhật Bề mặt được ốp ván gỗ công nghệ, dán decal)				198.775	198.775		
	3 Cổng chào (4x5 = 20 m2)	m2	60	390	23.400	23.400		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh
	Các trụ/cột đỡ (0,3 x 0,3 x 5)	m2	23	390	8.775	8.775		
	Vách dựng (2 mặt x 250m2/1 mặt)	m2	500	260	130.000	130.000		
	Chi phí vận chuyển	chuyến	2	4.000	8.000	8.000		
	Chi phí nhân công lắp ráp và tháo dỡ	lượt	2	13.000	26.000	26.000		
	Vật tư phụ lắp đặt	Gói	1	2.600	2.600	2.600		

TÌ
TRU
TRU
VÀ PH
ĐỀ

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
	Chi phí thuê vườn âm thanh, ánh sáng, bàn ghế, thăm trang trí				137.400	137.400		
	Hệ thống màn hình LED (Thuê, lắp đặt, vận hành màn hình LED tổ chức trình diễn. Ánh sáng chuẩn, nét. Kích thước 3mx5m=15m2 x 1.800.000vnd/m2	Gói	1	27.000	27.000	27.000	-	
	Đèn LED ánh sáng vàng chiếu sáng kệ	Cái	25	300	7.500	7.500		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh
	Đèn LED pha chiếu sáng chung khu vực	Cái	25	300	7.500	7.500		
	Ổ cắm điện	Cái	30	130	3.900	3.900		
	Dây điện, phụ kiện liên quan và nhân công	Bộ	1	6.500	6.500	6.500		
	Bảng tên Doanh nghiệp	Cái	80	80	6.400	6.400		
	Bàn tiếp khách	Cái	20	420	8.400	8.400		
	Ghế	Cái	40	130	5.200	5.200		
	Màn hình Tivi 60 inches	Cái	2	5.000	10.000	10.000		
	Trái thảm đỏ khu vực trưng bày	m2	500	110	55.000	55.000		
	Chi phí kệ, bục trưng bày	Cái	30		134.250	134.250		
	Kệ trưng bày sản phẩm có khối lượng nhẹ (<2kg, vật liệu nhựa, chi tiết nhỏ...) Kích thước kệ 0,5m (R) x 2,4m (D) x 1,2m (C)	Cái	15	3.950	59.250	59.250		
	Ván MDF 12mm	Bộ	1	2.000	2.000	2.000		
	Chi phí nhân công, vận chuyển, bốc xếp	Cái	1	1.950	1.950	1.950		
	Bục trưng bày sản phẩm có khối lượng nặng (khuôn kim loại, thiết bị điện,...) Kích thước bục 1m (R) x 1m (D) x 1m (C)	Cái	15	5.000	75.000	75.000		
	Ván MDF 20mm	bộ	1	2.600	2.600	2.600		
	Khung sắt gia cố chịu lực	Bộ	1	1.500	1.500	1.500		

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
	Chi phí nhân công, vận chuyển, bốc xếp	Lượt	1	900	900	900		
3.1.4	Chi phí Dàn dựng Khu vực trình diễn sản phẩm theo ngành	cụm	2	176.500	353.000	353.000		
	Thi công hệ khung sắt kết cấu, dựng vách bằng MDF/khung sắt hoặc nhôm định hình và dán decal bảng hiệu	m2	100	1.350	135.000	135.000		
	Thi công hệ thống điện kỹ thuật – cấp nguồn – ổ cắm – dây dẫn, lắp đặt hệ thống chiếu sáng trang trí và chiếu điểm sản phẩm (spotlight LED)	Gói	1	10.000	10.000	10.000		
	Thuê bàn ghế (1 bàn 2 ghế)	Cái	10	550	5.500	5.500	-	
	Chi phí nhân công lắp ráp và tháo dỡ	lượt	2	13.000	26.000	26.000		
3.1.5	Chi phí quản lý, vận hành chung của sự kiện	Gói	1		30.000	30.000		
	Quản lý toàn bộ sự kiện xuyên suốt quá trình chuẩn bị, tổ chức, tháo dỡ: - Lập kế hoạch chi tiết phối hợp thi công, tổ chức thực hiện, giám sát quá trình triển khai, điều phối công việc xuyên suốt chương trình cho đến khi kết thúc: tổng quản lý chương trình, giám sát kỹ thuật, mỹ thuật, đơn đốc tiến độ thi công, giám sát, theo dõi, đơn đốc khắc phục lỗi khi thi công. - Giám sát, đơn đốc triển khai đúng tiến độ các phần công việc liên quan đến nội dung chương trình, Lễ khai mạc, quảng bá sự kiện, trang trí... - Đảm bảo công tác bàn giao 100% gian hàng. - Tiếp xúc, giải đáp, hỗ trợ kỹ thuật, vệ sinh, an ninh... tại tất cả các gian hàng xuyên suốt các ngày diễn ra sự kiện. - Giám sát, đảm bảo mỹ quan, vệ sinh toàn bộ sự kiện các ngày diễn ra sự kiện. - Kiểm soát 100% hàng hóa ra vào sự kiện, đảm bảo nguồn gốc xuất xứ hàng hóa trưng bày tại sự kiện, báo cáo Ban tổ chức và phối hợp xử lý vi phạm. - Xử lý triệt để, kịp thời phát sinh trong quá trình thực hiện và đề nghị của chủ đầu tư. - Các nội dung khác.	Gói	1	30.000	30.000	30.000		

AN
NG
KỸ
ÁT
VL
★

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
4	Tham gia cụm gian hàng tại triển lãm Quốc tế về máy móc, thiết bị, công nghệ và sản phẩm công nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh				3.386.780	3.386.780		
4.1	Tổ chức không gian trưng bày	Kỳ	1		3.386.780	3.386.780		Căn cứ Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết 60/2025/NQ-HĐND
4.1.1	Chi phí thuê khu vực đất trống				1.540.000	1.540.000		
	Thuê đất trống (35x20m2)	m2	700	2.200	1.540.000	1.540.000		Theo báo giá của đơn vị tổ chức
4.1.2	Chi phí thiết kế, in ấn tổng thể				243.345	243.345		
	Chi phí thiết kế				83.055	83.055		
	Chi phí thiết kế tổng thể không gian tổ chức sự kiện và không gian bên ngoài	Lần	1	13.000	13.000	13.000		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh
	Chi phí thiết kế 03 cổng chào (4x5 m2)	lần	1	15.000	15.000	15.000		
	Chi phí thiết kế quây, bục	lần	1	7.500	7.500	7.500		
	Pano thả trần: 3m x 5m	tấm	10	3.500	35.000	35.000		
	Phướn quanh khu trưng bày: 1m x 5m	tấm	10	824	8.235	8.235		
	Cờ xí quanh khu vực trưng bày: 0.5m x 1.5m	tấm	10	432	4.320	4.320		
	Chi phí in bạt				160.290	160.290		
	Chi phí in bạt 700m2 (in ấn 4 mặt x 175m2)	m2	700	65	45.500	45.500		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh
	Chi phí in bạt các trụ đỡ (0,3 x 0,3 x 5, dán 4 mặt)	m2	126	65	8.190	8.190		
	Chi phí in bạt dán lên vách dựng (Dán 2 mặt vách: 350 x 2 = 700m2)	m2	700	65	45.500	45.500		
	Bộ bảng tên (mica hoặc khắc CNC)	Bộ	6	2.600	15.600	15.600		
	Chi phí nhân công thi công vận chuyển, lắp đặt, tháo dỡ	m2	700	65	45.500	45.500		

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
4.1.3	Chi phí dàn dựng cổng, trang trí tổng thể				662.435	662.435		
	Chi phí thi công cột/trụ đỡ, vách dựng, cổng sự kiện (Khung đỡ bằng sắt V40, hàn thành khối hình vuông/chữ nhật Bề mặt được ốp ván gỗ công nghệ, dán decal)				254.285	254.285		
	3 Cổng chào (4x5 = 20 m2)	m2	60	390	23.400	23.400		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh
	Các trụ/cột đỡ (0,3 x 0,3 x 5)	m2	32	390	12.285	12.285		
	Vách dựng (2 mặt x 350m2/1 mặt)	m2	700	260	182.000	182.000		
	Chi phí vận chuyển	chuyến	2	4.000	8.000	8.000		
	Chi phí nhân công lắp ráp và tháo dỡ	lượt	2	13.000	26.000	26.000		
	Vật tư phụ lắp đặt	Gói	1	2.600	2.600	2.600		
	Chi phí thuê mướn âm thanh, ánh sáng , bàn ghế, thảm trang trí				184.400	184.400		
	Hệ thống màn hình LED (Thuê, lắp đặt, vận hành màn hình LED tổ chức trình diễn. Ánh sáng chuẩn, nét. Kích thước 3mx5m=15m2 x 1.800.000vnd/m2	Gói	1	27.000	27.000	27.000	-	
	Đèn LED ánh sáng vàng chiếu sáng kệ	Cái	50	300	15.000	15.000		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh
	Đèn LED pha chiếu sáng chung khu vực	Cái	50	300	15.000	15.000		
	Ô cắm điện	Cái	30	130	3.900	3.900		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh
	Dây điện, phụ kiện liên quan và nhân công	Bộ	1	6.500	6.500	6.500		
	Bảng tên Doanh nghiệp	Cái	80	80	6.400	6.400		
	Bàn tiếp khách	Cái	20	420	8.400	8.400		
	Ghế	Cái	40	130	5.200	5.200		
	Màn hình Tivi 60 inches	Cái	4	5.000	20.000	20.000		
	Trải thảm đỏ khu vực trung bày	m2	700	110	77.000	77.000		
	Chi phí kệ, bục trưng bày	Cái	50		223.750	223.750		Theo báo giá của đơn vị tổ chức và Thanh toán thực tế phát sinh

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
	Kệ trưng bày sản phẩm có khối lượng nhẹ (<2kg, vật liệu nhựa, chi tiết nhỏ...) Kích thước kệ 0,5m (R) x 2,4m (D) x 1,2m (C)	Cái	25	3.950	98.750	98.750		
	Ván MDF 12mm	Bộ	1	2.000	2.000	2.000		
	Chi phí nhân công, vận chuyển, bốc xếp	Cái	1	1.950	1.950	1.950		
	Bục trưng bày sản phẩm có khối lượng nặng (khuôn kim loại, thiết bị điện,...) Kích thước bục 1m (R) x 1m (D) x 1m (C)	Cái	25	5.000	125.000	125.000		
	Ván MDF 20mm	bộ	1	2.600	2.600	2.600		
	Khung sắt gia cố chịu lực	Bộ	1	1.500	1.500	1.500		
	Chi phí nhân công, vận chuyển, bốc xếp	Lượt	1	900	900	900		
4.1.4	Chi phí Dàn dựng Khu vực trình diễn sản phẩm theo ngành	cụm	4	210.250	841.000	841.000		
	Thi công hệ khung sắt kết cấu, dựng vách bằng MDF/khung sắt hoặc nhôm định hình và dán decal bảng hiệu	m2	125	1.350	168.750	168.750		
	Thi công hệ thống điện kỹ thuật – cấp nguồn – ổ cắm – dây dẫn, lắp đặt hệ thống chiếu sáng trang trí và chiếu điểm sản phẩm (spotlight LED)	Gói	1	10.000	10.000	10.000		
	Thuê bàn ghế (1 bàn 2 ghế)	Cái	10	550	5.500	5.500		
	Chi phí nhân công lắp ráp và tháo dỡ	lượt	2	13.000	26.000	26.000		Khoản 7 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tổng kinh phí thực hiện	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Xã hội hóa	Ghi chú
4.1.5	Chi phí quản lý, vận hành chung của sự kiện	Gói	1		100.000	100.000		
	Quản lý toàn bộ sự kiện xuyên suốt quá trình chuẩn bị, tổ chức, tháo dỡ: - Lập kế hoạch chi tiết phối hợp thi công, tổ chức thực hiện, giám sát quá trình triển khai, điều phối công việc xuyên suốt chương trình cho đến khi kết thúc: tổng quản lý chương trình, giám sát kỹ thuật, mỹ thuật, đơn đốc tiến độ thi công, giám sát, theo dõi, đơn đốc khắc phục lỗi khi thi công. - Giám sát, đơn đốc triển khai đúng tiến độ các phần công việc liên quan đến nội dung chương trình, Lễ khai mạc, quảng bá sự kiện, trang trí... - Đảm bảo công tác bàn giao 100% gian hàng. - Tiếp xúc, giải đáp, hỗ trợ kỹ thuật, vệ sinh, an ninh... tại tất cả các gian hàng xuyên suốt các ngày diễn ra sự kiện. - Giám sát, đảm bảo mỹ quan, vệ sinh toàn bộ sự kiện các ngày diễn ra sự kiện. - Kiểm soát 100% hàng hóa ra vào sự kiện, đảm bảo nguồn gốc xuất xứ hàng hóa trưng bày tại sự kiện, báo cáo Ban tổ chức và phối hợp xử lý vi phạm. - Xử lý triệt để, kịp thời phát sinh trong quá trình thực hiện và đề nghị của chủ đầu tư. - Các nội dung khác.	Gói	1	100.000	100.000	100.000		
	TỔNG CỘNG				14.569.556	13.726.106	843.450	

HỒ CHÍ